



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
MEKONG FISHERIES JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN***(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN: (100=110+120+130+140+150)	100		219.792.968.145	249.859.019.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền:	110		42.872.361.640	49.648.277.426
1.Tiền	111	V.1	3.072.361.640	27.148.277.426
2.Các khoản tương đương tiền	112	V.1	39.800.000.000	22.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	120	V.2	(2.597.471.600)	2.274.203.072
1.Đầu tư ngắn hạn	121		306.000	2.873.153.398
2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.597.777.600)	(598.950.326)
III.Các khoản phải thu	130		50.223.922.166	96.874.864.845
1.Phải thu khách hàng	131		38.995.074.698	76.316.874.136
2.Trả trước cho người bán	132		895.689.135	946.701.626
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Các khoản phải thu khác	135	V.3	10.333.158.333	19.613.289.083
6.Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	(2.000.000)
IV.Hàng tồn kho	140		112.800.567.791	87.173.377.515
1.Hàng tồn kho	141	V.4	112.800.567.791	87.173.377.515
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		16.493.588.148	13.888.296.400
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.5	1.712.518.582	2.237.248.325
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	41.305.332	41.305.332
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	14.739.764.234	11.609.742.743

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
B.TÀI SẢN DÀI HẠN: (200=210+220+240+250+260)	200		65.568.510.777	80.117.656.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.411.350.173	73.113.801.722
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	29.444.546.420	37.283.335.176
- Nguyên giá	222		74.912.271.790	75.581.352.310
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(45.467.725.370)	(38.298.017.134)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	23.908.583.208	27.782.407.877
- Nguyên giá	228		26.067.111.800	29.416.777.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.158.528.592)	(1.634.369.923)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.058.220.545	8.048.058.669
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	4.294.920.000	4.294.920.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.634.920.000	6.634.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.862.240.604	2.708.934.322
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.826.138.124	1.840.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.23	36.102.480	868.934.322
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		285.361.478.922	329.976.675.302

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

*Bảng cân đối kế toán***Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		29.936.013.421	42.823.729.517
I. Nợ ngắn hạn	310		26.801.013.421	35.871.184.042
1.Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	1.540.000.000
2.Phải trả người bán	312		12.256.889.333	6.024.096.581
3.Người mua trả tiền trước	313		1.700.934.037	3.087.036.765
4.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	1.774.744.911	3.000.585.389
5.Phải trả người lao động	315		2.166.968.011	6.857.672.315
6.Chi phí phải trả	316	V.17	137.061.223	3.307.967.950
7.Phải trả nội bộ	317		-	-
8.Phải trả theo tiến độ kế hoạch h.đồng xây dựng	318		-	-
9.Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	720.697.380	1.153.581.665
10.Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	8.043.718.526	10.900.243.377
12.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.Nợ dài hạn	330		3.135.000.000	6.952.545.475
1.Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.20	-	-
3.Phải trả dài hạn khác	333	V.21	3.135.000.000	3.035.000.000
4.Vay và nợ dài hạn	334	V.21	-	3.080.000.000
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	-	-
6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	-	837.545.475
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		255.425.465.501	287.152.945.785
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.24	255.425.465.501	287.152.945.785
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.398.640.000	113.398.640.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412		152.960.690.000	152.960.690.000
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.287.760.139	1.287.760.139
4.Cổ phiếu quỹ	414		(62.527.765.207)	(49.107.793.399)
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	417		5.837.847.302	5.837.847.302
8.Quỹ dự phòng tài chính	418		11.472.883.445	11.472.883.445
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.Lợi nhuận chưa phân phối	420		32.995.409.822	51.302.918.298
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		285.361.478.922	329.976.675.302

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012**Bảng cân đối kế toán****Mẫu số : B 01-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

**CÁC CHỈ TIÊU
NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, h.hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD :		68.915,36	824.845,86
- EUR :		353,00	362,03
6. Dự toán chi hoạt động			

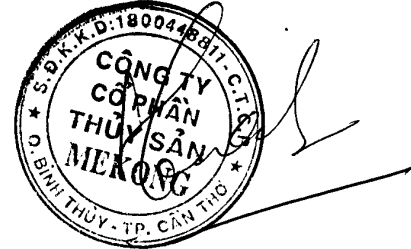
Tp. Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ


BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***Mẫu số : B 01-DN***(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 04 NĂM 2012***Đơn vị tính : VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.27	135.885.157.144	151.387.946.610	486.776.790.489	640.620.122.323
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.28	190.437.820	443.200.000	1.209.665.043	1.323.809.074
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		135.694.719.324	150.944.746.610	485.567.125.446	639.296.313.249
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.30	117.093.036.671	133.774.042.159	432.761.034.867	526.645.101.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.601.682.653	17.170.704.451	52.806.090.579	112.651.211.940
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.31	1.451.168.590	2.393.762.996	7.703.655.358	25.792.791.306
7. Chi phí tài chính	22	VI.32	2.706.250.485	1.332.573.689	3.235.526.940	5.138.971.336
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.411.285	275.838.996	339.324.616	1.014.039.540
8. Chi phí bán hàng	24		12.487.490.862	4.428.131.792	31.993.413.655	40.978.991.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.729.897.190	4.208.771.548	11.791.393.242	14.424.100.538
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		2.129.212.706	9.594.990.418	13.489.412.100	77.901.940.133
11. Thu nhập khác	31		361.206.039	399.315.453	16.192.349.899	1.252.997.780
12. Chi phí khác	32		-	(69.664.808)	11.867.846.127	632.776.913
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		361.206.039	468.980.261	4.324.503.772	620.220.867
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.490.418.745	10.063.970.679	17.813.915.872	78.522.161.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	562.296.473	(1.235.346.252)	2.744.070.354	14.485.871.416
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34	-	(1.432.075.997)	832.831.842	39.097.168
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.928.122.272	12.731.392.928	14.237.013.676	63.997.192.416
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		223	1.393	1.648	6.647

Tp. Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012*Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ***Mẫu số : B 01-DN***(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)***QUÝ 04 NĂM 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG K. DOANH:				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.813.915.872	78.522.161.000
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.076.944.331	8.228.165.329
- Các khoản dự phòng	03		1.996.827.274	866.207.802
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(248.118.435)	187.901.923
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.100.882.779)	(10.915.356.663)
- Chi phí lãi vay	06		339.324.616	1.014.039.540
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.878.010.879	77.903.118.931
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.790.860.866	10.404.206.551
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.627.190.276)	(38.444.556.298)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.186.162.412	1.631.604.418
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(986.138.124)	(1.840.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(368.263.783)	(1.016.157.040)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.411.450.524)	(13.436.355.960)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.436.568.592	3.009.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.830.059.403)	(8.071.635.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.068.500.639	30.139.225.087
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.305.034.356)	(6.135.178.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		15.423.504.864	363.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.163.147.350)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.263.583.938
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.529.208.414	10.713.124.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.647.678.922	6.042.018.813

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ****Mẫu số : B 01-DN**


(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và bổ sung TT số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(13.419.971.808)	(24.405.307.591)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		32.931.250.000	4.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.551.250.000)	(5.540.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.575.818.400)	(36.935.083.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(48.615.790.208)	(62.880.390.791)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.899.610.647)	(26.699.146.891)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	49.648.277.426	76.365.463.774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		123.694.861	(18.039.457)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	42.872.361.640	49.648.277.426

Tp. Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mãnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2012

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - chế biến
- Ngành nghề kinh doanh:**

Thu mua, gia công, chế biến, xuất nhập thủy sản, gạo và các loại nông sản. Nhập khẩu vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, sản xuất con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản. Nhập khẩu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Nhập khẩu kinh doanh phân bón, sắt thép các loại. Đầu tư tài chính, kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê. Du lịch lữ hành nội địa, kinh doanh nhà hàng.

II NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính:**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính** Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**
 - Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- Hàng tồn kho**
 - Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

5 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

7 Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

- Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8 Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9 Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Chi phí trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 03 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11 Các khoản dự phòng phải trả

- Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.
- Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12 Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13 Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

16 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt:	5.526.414	6.383.235
- Tiền gửi ngân hàng:	3.066.835.226	27.141.894.191
- Tiền đang chuyển:	-	-
- Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn)	39.800.000.000	22.500.000.000
+ Vietcombank Tây Đô:	10.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng Đông Á PGD Trà Nóc:	3.000.000.000	2.000.000.000
+ Ngân hàng Phương Nam CN ĐBSCL:	11.000.000.000	15.000.000.000
+ Quỹ Tín dụng Nhân dân Tây Đô:	500.000.000	500.000.000
+ Vietinbank Cần Thơ:	12.300.000.000	-
+ Vietinbank Trà Nóc:	3.000.000.000	-
Cộng:	42.872.361.640	49.648.277.426

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		306.000		2.873.153.398
<i>Cổ phiếu Cty cổ phần Chứng Khoán Âu Việt</i>	-	-	87.000	357.535.498
<i>Cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt</i>	-	-	4.900	258.457.101
<i>Cổ phiếu Cty cổ phần Nông Sản Bắc Ninh</i>	18	306.000	33	561.000
<i>Cổ phiếu Cty cổ phần Đông Hải Bến Tre</i>	-	-	24.000	158.622.572
<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc</i>	-	-	12.920	217.528.804
<i>Cổ phiếu Cty CP đầu tư công nghiệp Tân Tạo</i>	-	-	9.500	81.421.950
<i>Cổ phiếu Cty cổ phần đầu tư Kinh Doanh Nhà</i>	-	-	43.000	493.270.794
<i>Cổ phiếu Cty cổ phần chứng khoán Kim Long</i>	-	-	4.000	38.057.000
<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải Dầu Khí</i>	-	-	78.500	358.987.666
<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn</i>	-	-	58.000	908.711.013
- Đầu tư ngắn hạn khác:	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:	-	(2.597.777.600)	-	(598.950.326)
Cộng:		-2.597.471.600		2.274.203.072

3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa:	-	-
- phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia:	-	-
- Phải thu người lao động:	-	-
- Phải thu khác:	10.333.158.333	19.613.289.083
- Tài sản ngắn hạn khác (<i>Tạm ứng</i>):	14.739.764.234	11.609.742.743
Cộng:	25.072.922.567	31.223.031.826

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4 Hàng tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường :	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu :	1.226.073.516	3.659.736.298
- Công cụ dụng cụ :	606.342.967	719.998.345
- Chi phí SXKD dở dang :	52.342.248.187	12.290.558.081
- Thành phẩm :	58.625.903.121	70.503.084.791
- Hàng hóa :	-	-
- Hàng gửi đi bán:	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế:	-	-
- Hàng hóa bất động sản:	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho :	112.800.567.791	87.173.377.515

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	-	-
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho:	-	-
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:	-	-
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:	-	-

5 Thuế và Các khoản thuế phải thu Nhà nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ :	1.712.518.582	2.237.248.325
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà Nước :	41.305.332	41.305.332
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
+ Thuế GTGT, Tài nguyên, XNK :	41.305.332	41.305.332
+ Phí, lệ phí & các khoản phải nộp khác:	-	-
Cộng :	1.753.823.914	2.278.553.657

6 Phải thu dài hạn nội bộ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu dài hạn nội bộ:		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác:		
Cộng:		

7 Phải thu dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn:	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác:	-	-
- Cho vay không có lãi:	-	-
- Phải thu dài hạn khác:	-	-
Cộng:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ:	14.762.721.895	54.585.010.150	4.797.469.454	521.193.161	74.666.394.660
- Mua sắm trong kỳ:	150.879.990	94.997.140	-	-	245.877.130
- XDCB hoàn thành:	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	14.913.601.885	54.680.007.290	4.797.469.454	521.193.161	74.912.271.790
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ:	9.901.310.200	32.419.662.891	896.814.374	324.807.891	43.542.595.356
- Khấu hao trong kỳ:	259.943.683	1.523.388.311	119.936.733	21.861.287	1.925.130.014
- Chuyển sang BĐS đầu tư:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	10.161.253.883	33.943.051.202	1.016.751.107	346.669.178	45.467.725.370
GIÁ TRỊ CÒN LẠI TSCĐ					
- Tại ngày đầu kỳ:	4.861.411.695	22.165.347.259	3.900.655.080	196.385.270	31.123.799.304
- Tại ngày cuối kỳ:	4.752.348.002	20.736.956.088	3.780.718.347	174.523.983	29.444.546.420

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: -
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: -
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: -
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: -
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: -

9 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ:	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong kỳ:	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính:	-	-	-	-	-
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ:	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ:	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính:	-	-	-	-	-
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu kỳ:	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ:	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
HÌNH					
Số dư đầu kỳ:	26.067.111.800	-	-	-	26.067.111.800
- Mua trong kỳ:	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ D.Nghiệp:	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất k.doanh:	-	-	-	-	-
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	26.067.111.800	-	-	-	26.067.111.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ:	2.014.345.406	-	-	-	2.014.345.406
- Khấu hao trong kỳ:	144.183.186	-	-	-	144.183.186
- Tăng khác:	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán:	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ:	2.158.528.592	-	-	-	2.158.528.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI TSCĐ VH					
- Tại ngày đầu kỳ:	24.052.766.394	-	-	-	24.052.766.394
- Tại ngày cuối kỳ:	23.908.583.208	-	-	-	23.908.583.208

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XD CB dở dang:	5.058.220.545	8.048.058.669
<i>Trong đó: (những công trình lớn):</i>		
+ Công trình		
+ Công trình		

12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá BĐS đầu tư	0	0	0	0
- Quyền sử dụng đất:				
- Nhà:				
- Nhà và Quyền sử dụng đất:				
- Cơ sở hạ tầng:				
Giá trị hao mòn	0	0	0	0
- Quyền sử dụng đất:				
- Nhà:				
- Nhà và Quyền sử dụng đất:				
- Cơ sở hạ tầng:				
Giá trị còn lại	0	0	0	0
- Quyền sử dụng đất:				
- Nhà:				
- Nhà và Quyền sử dụng đất:				
- Cơ sở hạ tầng:				

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***13 Đầu tư dài hạn khác:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu:	-	6.634.920.000	-	6.634.920.000
+ <i>Cổ phiếu Cty CP Thủy Sản Cửu Long</i>	213.492	4.134.920.000	213.492	4.134.920.000
+ <i>Cổ phiếu Cty CP Tập đoàn Đầu tư IPA</i>	50.000	2.500.000.000	50.000	2.500.000.000
- Đầu tư trái phiếu:	-	-	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu:	-	-	-	-
- Cho vay dài hạn:	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác:	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:		(2.340.000.000)		(2.340.000.000)
Cộng:		4.294.920.000		4.294.920.000

14 Chi phí trả trước dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ:	2.826.138.124	1.840.000.000
+ <i>Chi phí hợp tác đầu tư nuôi cá</i>	2.080.000.000	1.840.000.000
+ <i>Chi phí Xăng dầu đào ao</i>	746.138.124	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp:	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn:	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận hình thành TSCĐ vô hình:	-	-
Cộng:	2.826.138.124	1.840.000.000

15 Vay và nợ ngắn hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn:	-	-
+	-	-
+	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả:	-	1.540.000.000
+ <i>Ngân hàng Công Thương Cần Thơ</i>	-	1.540.000.000
+	-	-
Cộng:	-	1.540.000.000

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.750.938.470	2.983.239.127
- Thuế thu nhập cá nhân	22.525.291	17.154.742
- Thuế tài nguyên	1.281.150	191.520
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
Cộng:	1.774.744.911	3.000.585.389

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

17 Chi phí phải trả:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí phải trả khác	137.061.223	3.307.967.950
Cộng:	137.061.223	3.307.967.950

18 Các khoản phải trả, phải nộp khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	644.666.040	933.782.069
- Bảo hiểm xã hội	70.331.740	155.811.718
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	59.569.878
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.699.600	4.418.000
Cộng:	720.697.380	1.153.581.665

19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng	3.691.831.471	4.618.822.724
- Quỹ phúc lợi	3.176.937.642	5.022.546.276
- Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	1.174.949.413	1.258.874.377
Cộng:	8.043.718.526	10.900.243.377

20 Phải trả dài hạn nội bộ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
Cộng:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

21 Vay và nợ dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Vay dài hạn:	-	3.080.000.000
- Vay ngân hàng	-	3.080.000.000
+ Ngân hàng Công Thương Cần Thơ	-	3.080.000.000
+	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
b. Nợ dài hạn:	3.135.000.000	3.035.000.000
- Thuê tài chính	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.135.000.000	3.035.000.000
+ Cty TNHH SX TM XNK Phú Quý (Phụ phẩm)	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Cty TNHH SX & TM Trí Thành (Phụ phẩm)	100.000.000	
+ Võ Bé Tư (Phế liệu)	35.000.000	35.000.000
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng:	3.135.000.000	6.115.000.000

22 Dự phòng trợ cấp mất việc làm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	837.545.475
Cộng:	-	837.545.475

23 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36.102.480	868.934.322
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	36.102.480	868.934.322
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng.	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.	-	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.	-	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

24 Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	LN chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, P.lợi	Nguồn vốn đầu tư XDCB	CỘNG
Số dư đầu kỳ	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(62.466.932.094)	41.329.636.102	5.837.847.302	11.472.883.445	7.205.421.215	-	271.025.946.109
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.490.418.745	-	-	-	-	2.490.418.745
- Tăng khác	-	-	-	(60.833.113)	-	-	-	1.529.534.552	-	1.468.701.439
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	10.824.645.025	-	-	691.237.241	-	11.515.882.266
Số dư cuối kỳ	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(62.527.765.207)	32.995.409.822	5.837.847.302	11.472.883.445	8.043.718.526	-	263.469.184.027

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của cổ đông	113.398.640.000	113.398.640.000
- Thặng dư vốn cổ phần	152.960.690.000	152.960.690.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.287.760.139	1.287.760.139
- Cổ phiếu quỹ	(62.527.765.207)	(49.107.793.399)
Cộng:	205.119.324.932	218.539.296.740

* Giá trị trái phiếu đã được chuyển thành cổ phiếu trong năm: - Cổ phiếu

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.700.000 Cổ phiếu

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
+ Vốn góp đầu năm:	113.398.640.000	113.398.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm:	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm:	-	-
+ Vốn góp cuối năm:	113.398.640.000	113.398.640.000

d. Cổ tức :

- Cổ tức đã chi trả trong kỳ:

Trả cổ tức đợt 1 năm 2012: 10%/mệnh giá 8.639.864.000đ

d. Cổ phiếu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành:	11.339.864	11.339.864
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	11.339.864	11.339.864
+ Cổ phiếu thường:	11.339.864	11.339.864
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại:	2.700.000	2.200.000
+ Cổ phiếu thường:	2.700.000	2.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	8.639.864	9.139.864
+ Cổ phiếu thường:	8.639.864	9.139.864
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000đ/CP	10.000đ/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

e. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.837.847.302	5.837.847.302
- Quỹ dự phòng tài chính	11.472.883.445	11.472.883.445
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

i. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán khác :

-
-
-

25 Nguồn kinh phí:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

26 Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài:	-	-
- TSCĐ thuê ngoài:	-	-
- Tài sản khác thuê ngoài:	-	-
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn:	-	-
- Từ 01 năm trở xuống:	-	-
- Trên 01 năm đến 05 năm:	-	-
- Trên 05 năm:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính***VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
27 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01):	135.885.157.144	151.387.946.610
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	135.811.898.053	150.708.107.062
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.259.091	679.839.548
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)	-	-
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	-	-
28 Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02):	190.437.820	443.200.000
<i>Trong đó:</i>		
- Chiết khấu thương mại:	-	-
- Giảm giá hàng bán:	190.437.820	443.200.000
- Hàng bán bị trả lại:	-	-
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt:	-	-
- Thuế xuất khẩu:	-	-
29 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10):	135.694.719.324	150.944.746.610
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	135.621.460.233	150.264.907.062
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	73.259.091	679.839.548
30 Giá vốn hàng bán (Mã số 11):		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	117.093.036.671	133.774.042.159
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán.	-	-
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng:	117.093.036.671	133.774.042.159
31 Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21):		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay:	1.155.811.357	1.178.054.763
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu:	-	125.670.889
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:	27.000	-
- Lãi bán ngoại tệ :	-	365.264.173
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện:	6.071.728	619.722.171
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện:	249.152.755	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính:	-	-
- Doanh thu hoạt tài chính khác:	40.105.750	105.051.000
Cộng :	1.451.168.590	2.393.762.996

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
32 Chi phí tài chính (Mã số 22):		
- Lãi tiền vay:	63.411.285	275.838.996
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm:	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn:	-	488.966.554
- Thủ tục phí bán chứng khoán:	-	9.727.221
- Lỗ bán ngoại tệ:	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện:	45.061.600	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện:	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đ.tư ngắn hạn, dài hạn:	2.597.777.600	558.040.918
- Chi phí tài chính khác:	-	-
Cộng :	2.706.250.485	1.332.573.689
33 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51):		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành:	562.296.473	(1.235.346.252)
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay:	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	562.296.473	(1.235.346.252)
34 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52):		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế:	-	(563.141.675)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:	-	(868.934.322)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng:	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	-	(1.432.075.997)
35 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố:		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu:	91.834.408.066	129.567.439.991
- Chi phí nhân công:	8.590.275.792	11.321.879.586
- Chi phí công cụ, dụng cụ:	5.544.970.263	5.692.366.798
- Chi phí khấu hao tài sản cố định:	1.925.130.014	2.113.201.988
- Chi phí dịch vụ mua ngoài:	12.487.490.862	4.310.570.470
- Chi phí khác bằng tiền:	4.931.596.805	7.358.679.459
Cộng :	125.313.871.802	160.364.138.292

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

36 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
a Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	-	-
b Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo:		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý:	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền:	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý:	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ:	-	-
c Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện:	-	-

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2 Giao dịch với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Tiền lương	315.463.735	360.842.288
Phụ cấp	108.000.000	82.800.000
Cộng:	423.463.735	443.642.288

3 Báo cáo bộ phận:

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ cho thuê.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

QUÝ 4 NĂM NAY	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	135.621.460.233	73.259.091	-	135.694.719.324
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.621.460.233	73.259.091	-	135.694.719.324
Chi phí bộ phận	132.310.424.723	-	-	132.310.424.723
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.311.035.510	73.259.091	-	3.384.294.601
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.384.294.601
Doanh thu hoạt động tài chính				1.451.168.590
Chi phí tài chính				(2.706.250.485)
Thu nhập khác				361.206.039
Chi phí khác				-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(562.296.473)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.928.122.272
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	675.872.288	-	-	675.872.288
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.185.518.662	-	-	2.185.518.662
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

QUÝ 4 NĂM TRƯỚC	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.264.907.062	679.839.548	-	150.944.746.610
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.264.907.062	679.839.548	-	150.944.746.610
Chi phí bộ phận	142.410.945.499	-	-	142.410.945.499
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.853.961.563	679.839.548	-	8.533.801.111
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.533.801.111
Doanh thu hoạt động tài chính				2.393.762.996

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi phí tài chính				(1.332.573.689)
Thu nhập khác				399.315.453
Chi phí khác				69.664.808
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.235.346.252
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.432.075.997
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				12.731.392.928
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.720.019.775	-	-	4.720.019.775
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.284.859.488	-	-	2.284.859.488
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản trực tiếp của bộ phận	283.664.030.522	323.407.552.230
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	1.697.448.400	6.569.123.072
Tổng tài sản	285.361.478.922	329.976.675.302
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	29.936.013.421	42.823.729.517
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-
Tổng nợ phải trả	29.936.013.421	42.823.729.517

4 **Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính:**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.872.361.640	49.648.277.426	42.872.361.640	49.648.277.426
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.697.448.400	6.569.123.072	1.697.448.400	6.569.123.072
Phải thu khách hàng	38.995.074.698	76.314.874.136	38.995.074.698	76.314.874.136
Các khoản phải thu khác	10.333.158.333	19.613.289.083	10.333.158.333	19.613.289.083
Cộng	93.898.043.071	152.145.563.717	93.898.043.071	152.145.563.717
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	12.256.889.333	6.024.096.581	12.256.889.333	6.024.096.581
Vay và nợ	-	4.620.000.000	-	4.620.000.000
Các khoản phải trả khác	5.439.029.234	14.038.185.740	5.439.029.234	14.038.185.740
Cộng	17.695.918.567	24.682.282.321	17.695.918.567	24.682.282.321

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

– Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	12.256.889.333	-	-	12.256.889.333
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.304.029.234	3.135.000.000	-	5.439.029.234
Cộng	14.560.918.567	3.135.000.000	-	17.695.918.567
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	6.024.096.581	-	-	6.024.096.581
Vay và nợ	1.540.000.000	3.080.000.000	-	4.620.000.000
Các khoản phải trả khác	10.165.640.265	3.872.545.475	-	14.038.185.740
Cộng	17.729.736.846	6.952.545.475	-	24.682.282.321

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7 **Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Ảnh hưởng đến LNST/Vốn CSH	+ 2%	572.912.402	1.390.852.763
Ảnh hưởng đến LNST/Vốn CSH	- 2%	(572.912.402)	(1.390.852.763)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24 KCN Trà Nóc - quận Bình Thủy - Tp. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty 1.697.448.400 đ
Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng: 127.308.630 đ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty 6.569.123.072 đ
Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng: 492.684.230 đ

Tp. Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Số: 006/CV.2013

(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Quý 4/2012 so với Quý 4/2011)

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 01 năm 2013

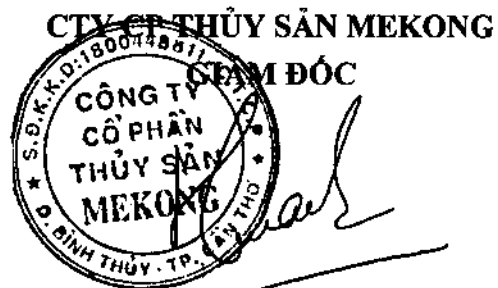
Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào thông tư số 52/2012/TT-BCT của Bộ tài chính ngày 05 tháng 04 năm 2012 về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2012 so với cùng kỳ năm trước biến động trên 10%. Công ty cổ phần Thủy Sản Mekong xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế của quý IV năm 2012 giảm 84,06% so với quý IV năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu là do trong quý IV năm 2012 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 10,24%, doanh thu tài chính giảm 39,38% so với quý IV năm 2011. Trong khi Chi phí tài chính tăng 103,08% Từ đó, đã làm giảm lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2012 so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của kết quả kinh doanh quý IV năm 2012 so với quý IV năm 2011, Công ty cổ phần Thủy Sản Mekong xin kính báo.

Trân trọng kính chào.



Lương Hoàng Mạnh